

TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN BÀU BÀNG
TỈNH BÌNH DƯƠNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh Phúc

Bản án số: 23/2024/DS-ST
Ngày 17-5-2024
V/v tranh chấp hợp đồng tín dụng

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BÀU BÀNG, TỈNH BÌNH DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Thanh Tùng.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Trần Ngọc Đức;

Ông Nguyễn Long Giang.

- Thư ký phiên tòa: Bà Phan Thị Phương, là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Bầu Bàng, tỉnh Bình Dương.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bầu Bàng, tỉnh Bình Dương tham gia phiên tòa: Ông Thái Hoàng Giang – Kiểm sát viên.

Ngày 17 tháng 5 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Bầu Bàng, tỉnh Bình Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 226/2023/TLST-DS ngày 03 tháng 10 năm 2023 về tranh chấp hợp đồng tín dụng theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 30/2024/QĐXXST-DS ngày 01 tháng 4 năm 2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số 39/2024/QĐST-DS ngày 23 tháng 4 năm 2024 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ngân hàng Thương mại Cổ phần S; địa chỉ: số B - B, đường N, phường V, Quận C, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn: Ông Lê Thanh Q, sinh năm 1982; nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: số B, đường N, khu phố T, phường D, thành phố D, tỉnh Bình Dương; địa chỉ liên lạc: 9, đường T, khu phố B, phường D, thành phố D, tỉnh Bình Dương, là người đại diện theo ủy quyền (văn bản ủy quyền ngày 12 tháng 5 năm 2023); có mặt.

- Bị đơn: ông Phạm Quang T, sinh năm 1985; địa chỉ: ấp A, xã H, huyện B, tỉnh Bình Dương, vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại Đơn khởi kiện ngày 29 tháng 9 năm 2023, bản tự khai ngày 03 tháng 11 năm 2023, bản tự khai ngày 13 tháng 3 năm 2024 và tại phiên tòa, người đại diện hợp pháp của Ngân hàng Thương mại Cổ phần S trình bày:

Ngày 25 tháng 9 năm 2015, ông Phạm Quang T ký giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng và ký hợp đồng tín dụng đề nghị Ngân hàng Thương mại Cổ phần S cấp 01 thẻ tín dụng với hạn mức 40.000.000 đồng. Căn cứ vào thu nhập của ông T nên ngày 26 tháng 9 năm 2015, Ngân hàng Thương mại Cổ phần S đồng ý cấp thẻ tín dụng với hạn mức 40.000.000 đồng cho ông T, mục đích vay tiêu dùng, lãi suất 2,15 %/tháng được áp dụng theo thông báo số 113/TB-TTT ngày 04 tháng 7 năm 2011. Trong thời gian 55 ngày ông T phải thanh toán đủ tiền cho Ngân hàng nếu qua ngày thứ 56 trở đi nếu ông T không trả nợ sẽ chịu tiền lãi theo mức lãi suất nêu trên.

Trong quá trình sử dụng thẻ thời gian đầu ông T thanh toán cho Ngân hàng được 236.229.907 đồng, từ ngày 31 tháng 8 năm 2018 trở đi ông T không thanh toán nên đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán, vi phạm Điều 23 và điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng Thương mại Cổ phần S nên toàn bộ số dư nợ của ông T đã chuyển sang nợ quá hạn. Tính đến ngày 17 tháng 4 năm 2024, ông T còn nợ Ngân hàng Thương mại Cổ phần S số tiền 93.008.374 đồng trong đó nợ gốc là 28.684.478 đồng, tiền lãi 64.323.896 đồng. Mặc dù Ngân hàng Thương mại Cổ phần S đã nhiều lần trao đổi, làm việc tạo mọi điều kiện để ông T tìm nguồn thanh toán vốn vay các khoản lãi cho Ngân hàng nhưng ông T vẫn không thực hiện thanh toán đúng các cam kết. Nay, Ngân hàng Thương mại Cổ phần S yêu cầu ông T trả nợ gốc 28.684.478 đồng và tiền lãi đến ngày 17 tháng 5 năm 2024 là 64.323.896 đồng. Tổng cộng nợ gốc, lãi ông T phải trả là 93.008.374 đồng.

Bị đơn ông Phạm Quang T đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần để lấy lời khai, tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ, hòa giải và tham gia phiên tòa nhưng ông T đều vắng mặt không lý do. Tòa án không ghi nhận được ý kiến của ông T.

Kiểm sát viên phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng và việc giải quyết vụ án: quá trình giải quyết vụ án, việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng đã thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vẫn vắng mặt không có lý do, đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt theo quy định điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung vụ án: yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn có căn cứ nên yêu cầu Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa và căn cứ kết quả tranh tụng. Tòa án nhân dân huyện Bàu Bàng, tỉnh Bình Dương nhận định:

[1] Về thẩm quyền: Ngân hàng Thương mại Cổ phần S khởi kiện ông T về việc tranh chấp hợp đồng tín dụng, bị đơn ông T có nơi cư trú tại ấp A, xã H, huyện B, tỉnh Bình Dương nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân

huyện Bàu Bàng, tỉnh Bình Dương theo quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về tố tụng: bị đơn ông T đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai để tham gia phiên tòa nhưng vắng mặt tại phiên tòa không lý do. Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt.

[3] Về nội dung:

Ngân hàng Thương mại Cổ phần S cấp thẻ tín dụng hạn mức 40.000.000 đồng cho ông T, mục đích tiêu dùng, lãi suất 2,15 %/tháng, trong thời gian 55 ngày, ông T thanh phải thanh toán đủ tiền cho Ngân hàng. Trong quá trình sử dụng thẻ, thời gian đầu ông T thanh toán cho ngân hàng, nhưng bắt đầu từ ngày 31 tháng 8 năm 2018 trở đi ông T không thanh toán nên còn dư nợ 28.684.478 đồng. Hiện tại, ông T không có thiện chí thanh toán nợ gốc và lãi cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần S. Lời trình bày của người đại diện Ngân hàng Thương mại Cổ phần S phù hợp với các tài liệu đã cung cấp cho Tòa án. Do ông T không thực nghĩa vụ thanh toán nợ gốc và lãi theo thỏa thuận nên vi phạm thỏa thuận hợp đồng tín dụng và vi phạm Điều 466 của Bộ luật dân sự 2015. Vì vậy, nguyên đơn khởi kiện bị đơn trả khoản nợ tính đến ngày 17 tháng 5 năm 2024 là nợ gốc 28.684.478 đồng và tiền lãi đến ngày 17 tháng 5 năm 2024 là 64.323.896 đồng. Tổng cộng nợ gốc, lãi ông T phải trả 93.008.374 đồng là phù hợp theo quy định tại khoản 2 Điều 648 của Bộ luật dân sự 2015. Do đó, Ngân hàng Thương mại Cổ phần S yêu cầu ông T trả số tiền 93.008.374 đồng là có cơ sở chấp nhận.

[4] Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa về nội dung vụ án yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có cơ sở, phù hợp quy định của pháp luật.

[5] Từ những phân tích trên, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Buộc ông T phải trả cho Ngân hàng S số tiền 93.008.374 đồng, trong đó nợ gốc 28.684.478 đồng, tiền lãi 64.323.896 đồng.

Về án phí: Do yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận nên bị đơn phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ:

Điều 4, Điều 5, khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39, khoản 2 Điều 92, Điều 147, khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228, Điều 266, Điều 271, Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Điều 91, Điều 95 và Điều 98 của Luật Các tổ chức tín dụng năm 2010;

Điều 466 và khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015;

Khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng Thương mại Cổ phần S đối với ông Phạm Quang T về việc tranh chấp về hợp đồng tín dụng.

Buộc ông Phạm Quang T có trách nhiệm trả cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần S số tiền 93.008.374 (chín mươi ba triệu không trăm lẻ tám nghìn ba trăm bảy mươi bốn) đồng. Trong đó nợ gốc 28.684.478 (hai mươi tám triệu sáu trăm tám mươi bốn nghìn bốn trăm bảy mươi tám) đồng và tiền lãi 64.323.896 (sáu mươi bốn triệu ba trăm hai mươi ba nghìn tám trăm chín mươi sáu) đồng.

Kể từ ngày tiếp theo của ngày 17 tháng 5 năm 2024, ông Phạm Quang T còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi quá hạn của số tiền nợ gốc chưa thanh toán. Trường hợp trong hợp đồng tín dụng, các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của Ngân hàng cho vay thì lãi suất mà khách hàng vay phải tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng cho vay theo quyết định của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng cho vay.

4. Về án phí:

Ông Phạm Quang T phải chịu 4.654.018 (bốn triệu sáu trăm năm mươi bốn nghìn không trăm mười tám) đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Ngân hàng Thương mại Cổ phần S không phải nộp tiền án phí dân sự sơ thẩm. Hoàn trả cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần S số tiền 1.987.555 (một triệu chín trăm tám mươi bảy nghìn năm trăm năm mươi lăm) đồng tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tiền số AA/2021/0010398 ngày 29 tháng 9 năm 2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Bàu Bàng, tỉnh Bình Dương.

5. Về quyền kháng cáo: các đương sự có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2, Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bình Dương;
- VKSND huyện Bàu Bàng;
- Chi cục THADS huyện Bàu Bàng;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ, văn phòng.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thanh Tùng

